

Số: /QĐ-ĐHBK

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng cán bộ Đoàn- Hội có kết quả học tập tốt và có nhiều đóng góp trong công tác Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên năm học 2024-2025

### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học học hệ chính quy ban hành theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT, ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Bách khoa Hà Nội do Hội đồng đại học ban hành theo Nghị quyết số 40/NQ-ĐHBK ngày 02/12/2024;

Căn cứ Quy chế công tác sinh viên đại học hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 2727/QĐ-ĐHBK ngày 13/3/2025 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội;

Căn cứ tờ trình số 46-TTr/ VPĐDH ngày 17/12/2025 của Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Đại học Bách khoa Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Công tác sinh viên.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Tặng giấy khen cho 171 sinh viên (có danh sách kèm theo) là cán bộ Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên có kết quả học tập tốt và có nhiều đóng góp trong hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội trong năm học 2024-2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Đại học, Trưởng ban Ban Công tác sinh viên và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTSV.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Huỳnh Đăng Chính

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC KHEN THƯỞNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHBK ngày tháng năm 2025  
của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội)

TT	Họ và tên	MSSV	Lớp	Khóa	Điểm TB năm học 2024-2025	
					Học tập	Rèn luyện
1	Nguyễn Minh Huyền	20224272	CTTT TTS & KT Đa phương tiện 02 - K67	67	3.37	100
2	Đỗ Việt Hoàng	20224218	Kỹ thuật Y sinh 01 - K67	67	2.98	98
3	Nguyễn Hoàng Anh	20233994	CTTT Hệ thống Nhúng & IoT 01 - K68	68	3.58	100
4	Trần Thị Huệ Anh	20233728	KT Y sinh 01 - K68	68	2.72	94
5	Đoàn Duy Anh	20233826	CTTT TTS & KT Đa phương tiện 02 - K68	68	2.99	86
6	Kiều Tuấn Định	20224420	CTTT HT Nhúng & IoT 02 - K67	67	3.29	100
7	Hà Lương Thành Đức	20222113	CTTN KTĐK & Tự động hoá - K67	67	3.44	98
8	Nguyễn Xuân Hạnh	20222126	KT Điều khiển - Tự động hóa 05 - K67	67	3.59	100
9	Hồng Minh Khang	20233855	CTTT TTS & KT Đa phương tiện 01 - K68	68	3.01	90
10	Trần Trang Linh	20224287	CTTT TTS & KT Đa phương tiện 02 - K67	67	3.20	92
11	Đinh Nhật Minh	20232507	CTTN KT Điều khiển - Tự động hóa - K68	68	3.33	100
12	Nguyễn Phạm Trà My	20224327	CTTT TTS & KT Đa phương tiện 01 - K67	67	2.84	92
13	Dương Doãn Sơn	20222381	KT Điều khiển - Tự động hóa 04 - K67	67	3.53	97

14	Nguyễn Bá Tú	20232349	KT Điều khiển - Tự động hóa 02 - K68	68	3.79	98
15	Nguyễn Gia Nam Thắng	20231847	Kỹ thuật Điện 02 - K68	68	2.83	99
16	Lê Minh Triết	20234040	CTTT HT Nhúng & IoT 01 - K68	68	3.39	100
17	Trần Thị Minh Thùy	20221376	CN Hóa dược và Hóa chất BVTV	67	2.85	88
18	Phạm Thuỳ Dương	20221184	Thực phẩm 04	67	2.76	96
19	Nguyễn Đức Thế Long	20230964	Kỹ thuật Hóa học 11	68	2.64	88
20	Vũ Ngọc Khánh Chi	202410640	CTTT Kỹ thuật Thực phẩm 01	69	2.52	85
21	Đỗ Thị Kiều Anh	20221143	Kỹ thuật Thực phẩm 02	67	3.52	98
22	Bùi Vũ Trung Hiếu	20221382	CN Vật liệu Polime & Composit	67	3.20	86
23	Phạm Thu Thảo	20234230	Môi trường 02	68	3.55	95
24	Trần Thu Trang	20230534	Thực phẩm 02	68	2.95	96
25	Mai Lê Na	202411205	Kỹ thuật Hóa học 14	69	2.50	91
26	Nguyễn Thế Anh	202410217	Thực phẩm 09	69	3.62	98
27	Trần Nguyễn Hạnh Nguyên	20234346	Quản lý Tài nguyên và Môi trường 02	68	3.16	91
28	Lê Thu Trang	20221016	Sinh học 03	67	3.27	90
29	Hoàng Thị Hồng Ngọc	202410462	Thực phẩm 03	69	2.85	89
30	Nguyễn Quỳnh Anh	20230318	Thực phẩm 01	68	3.61	94
31	Đinh Thuỷ Tiên	20231541	CTTT Kỹ thuật Hoá dược 02	68	2.86	90
32	Tạ Ngọc Minh	20214918	CTTT Data Science & AI 01 - K66	66	3.21	100
33	Trần Nguyễn Mỹ Anh	20235474	CTTT Data Science & AI 02 - K68	68	3.28	100
34	Lăng Hồng Nguyệt Anh	20235885	ICT 01 - K68	68	3.21	98

35	Nguyễn Đình Dương	20225966	ICT 02 - K67	67	3.89	98
36	Trương Linh Duyên	20225968	ICT 01 - K67	67	3.76	93
37	Nguyễn Đào Khánh Linh	202416967	Việt Nhật 02 - K69	69	2.98	90
38	Phan Hà Quyên	20225224	Kỹ thuật máy tính 01 - K67	67	3.32	100
39	Nguyễn Hoàng Dương	20235310	Kỹ thuật máy tính 02 - K68	68	2.81	97
40	Nguyễn Minh Dương	20225439	CTTT Data Science & AI 02 - K67	67	3.20	100
41	Phạm Trung Kiên	202417151	ICT 01 - K69	69	3.89	94
42	Phạm Đức Mạnh	20235155	Khoa học máy tính 07 - K68	68	3.19	97
43	Nguyễn Văn Duy	20227762	KT Hàng không 01 - K67	67	3.83	94
44	Lê Hồng Phong	20216614	KT Cơ khí 11 - K66	66	3.13	98
45	Cao Minh Hoàng	202420668	KT Ô tô 06 - K69	69	3.44	96
46	Nguyễn Như Quỳnh	20239356	Công Nghệ May	68	3.32	89
47	Nguyễn Thu Trang	20218460	Thiết kế và phát triển sản phẩm May	66	3.52	87
48	Hữu Ngọc Minh Anh	20223233	Kế toán 02	67	3.34	97
49	Bùi Hạnh Ngân	202413760	CTTT Phân tích Kinh doanh 04	69	3.36	95
50	Trần Gia Hân	20223258	Kế toán 02	67	2.98	96
51	Triệu Đỗ Phương Linh	202413868	CTTT Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng 03	69	3.76	93
52	Nguyễn Đăng Nam Khánh	20223384	Tài chính Ngân hàng 02	67	3.79	96
53	Nguyễn Nam Trung	20237490	HTTTQL 02	68	3.28	100
54	Bùi Minh Châu	20210110	HTTTQL 02	66	3.23	90
55	Nguyễn Đình Liêm	20227056	Toán Tin 04	67	3.61	100
56	Nguyễn Hoàng Dương	20232775	QTKD 02	68	2.59	86

57	Nguyễn Văn Hưng	20227121	Toán Tin 02	67	3.15	90
58	Phạm Thị Khánh	20227127	Toán Tin 01	67	3.50	95
59	Triệu Châu Anh	20238238	Vật lý Y khoa 01	68	3.17	91
60	Nguyễn Quý Dương	20217339	Vật lý 04	66	4.00	100
61	Nguyễn Sỹ Hào	20227471	Vật lý Y khoa 01	67	3.58	98
62	Nguyễn Văn Hải Đăng	20224543	FL1.04	67	3.72	74
63	Nguyễn Doãn Nhật Ánh	20224570	FL1.03	67	3.26	85
64	Đào Đức Dương	20224674	FL2.01	67	3.78	93
65	Trần Hương Ly	20234661	FL2.02	68	3.02	90
66	Nguyễn Thu Hường	20231594	CNGD 02	68	3.08	88
67	Lương Anh Việt	20231652	CNGD 02	68	3.46	88
68	Nguyễn Thị Ngọc Linh	20221859	CNGD 01	67	2.98	94
69	Dương Ngọc Thắng	20221870	CNGD 01	67	3.76	98
70	Trần Phương Linh	20221326	BFE12-01	67	3.57	90
71	Trần Bình An	20224542	FL1.02	67	3.77	100
72	Nguyễn Kim Long	20234491	FL1-03	68	3.44	90
73	Nguyễn Ngọc Toàn	202417205	ICT-01	69	3.57	98
74	Đào An Huy	202416223	IT1 - 06	69	3.58	96
75	Phạm Trí Kiên	202419564	MS2-01	69	3.96	96.
76	Vũ Tiến Đạt	20235035	IT1 - 07	68	3.74	100
77	Nguyễn Linh Chi	20234412	FL1-02	68	3.44	88
78	Hoàng Thanh Mai	202415657	FL1-06	69	3.81	93
79	Trần Phong Quân	202416739	IT-E10	69	3.84	100

80	Nguyễn Minh Đức	20232009	Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa 06	68	2.94	88
81	Dương Thành Công	20231949	Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hoá 09	68	2.89	90
82	Nguyễn Tăng Hải Linh	202413009	CTTT Kỹ thuật điều khiển - Tự động hóa 02	69	4.00	96
83	Nguyễn Khánh Thảo	20234548	Tiếng Anh KHKT & CN - 06	68	3.57	93
84	Đặng Hữu Huy	202414518	Kỹ Thuật Y Sinh	69	3.93	95
85	Bùi Hữu Đức Dũng	202418440	CTTT Cơ Điện Tử 01	69	3.16	93
86	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	202415522	Tiếng Anh KHKT&CN 03	69	3.05	94
87	Lê Ngọc Dung	202419494	Kĩ thuật Vi điện tử và Công nghệ nano 03	69	3.24	95
88	Mai Thị Khánh Linh	202413722	CTTT phân tích kinh doanh - 02	69	3.08	90
89	Ngô Duy Anh	202420670	Kỹ thuật Ô tô - 02	69	3.07	89
90	Đinh Hoài Giang	202413836	CTTT Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng - 01	69	2.77	90
91	Phan Trần Bằng	202410831	Kỹ thuật hoá học - 16	69	3.60	92
92	Phạm Ngọc Minh	202416985	CNTT Việt Nhật	69	3.91	93
93	Phạm Tiến Dũng	202416168	Khoa học máy tính - 07	69	2.94	88
94	Đặng Thị Thùy Dương	20237318	Toán Tin 02	68	3.72	100
95	Phạm Văn Minh	20233534	Điện tử 05	69	3.46	94
96	Tô Thị Thanh Hương	20230884	Kĩ thuật Hóa học 03	70	2.99	96
97	Đỗ Ngọc Hoàn	20221479	CN Vật liệu Polyme & Compozit	67	3.00	100
98	Nguyễn Hà Quang Minh	20232510	CTTT Kỹ thuật điều khiển - Tự động hóa 02	68	3.42	93

99	Cao Xuân Linh	20232712	Quản lý Công nghiệp 02	68	3.44	87
100	Kiều Minh Anh	202415833	Tiếng Anh Chuyên nghiệp Quốc tế	69	3.83	90
101	Vũ Ngọc Song Mai	202414236	Điện tử 12	69	3.24	93
102	Dư Thị Khánh Hòa	202413217	Quản lý Công nghiệp 02	69	3.73	100
103	Đặng Huyền Nga	20211908	Quá trình thiết bị CNHH&TP	66	3.40	95
104	Trần Đức Hoàng Anh	20212474	Kỹ thuật điện 04	66	2.93	100
105	Nguyễn Bảo Long	20232168	Kỹ thuật điều khiển - Tự động hóa 04 - K68	68	2.62	91
106	Văn Thành Đạt	20235677	Việt Nhật 04 - K68	68	3.79	100
107	Hoàng Tuấn Minh	20235376	Kỹ thuật máy tính 04 - K68	68	3.92	100
108	Phạm Duy Đông	20225608	Việt Nhật 05 - K67	67	3.63	100
109	Nguyễn Bảo Ngọc	20224885	Khoa học Máy tính 06 - K67	67	2.98	100
110	Nguyễn Kiến Quốc	20225153	Kỹ thuật máy tính 06 - K67	67	3.71	97
111	Nguyễn Thành Duy	20235696	Việt Nhật 03 - K68	68	3.84	100
112	Nguyễn Ngọc Lộc	20232167	Kỹ thuật điều khiển - tự động hóa 03 - K68	68	3.49	94
113	Đỗ Vũ Thịnh	20232315	Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa 01	68	3.58	96
114	Trần Nguyễn Nhật Cường	20237896	Vật liệu Polyme & Compozit 02 - K68	68	3.69	100
115	Vũ Thường Tín	20230091	CTTT Data Science & AI	68	3.49	94
116	Lê Thị Quỳnh Như	20224631	Tiếng Anh KHKT 04	67	3.12	85
117	Hà Đức Dương	20235923	ICT 01	68	2.91	99
118	Vũ Thị Yến Nhi	20230482	Thực phẩm 05	68	3.51	99
119	Phạm Quốc Minh Vũ	202417083	Công Nghệ thông tin Việt Nhật 02	69	3.33	90

120	Lâm Quốc Dũng	202419500	Kỹ thuật vi điện tử và Công nghệ nano 01	69	2.96	89
121	Trần Thị Huyền Trang	20223214	Quản trị kinh doanh 02	67	2.74	89
122	Trần Hải Anh	20227171	Hệ thống thông tin 02	67	3.01	99
123	Phạm Nhật Huy	20218316	Công nghệ SP May K 66	66	3.81	99
124	Nguyễn Minh Nguyệt	20224547	Tiếng Anh Khoa Học Kỹ Thuật - 03	67	3.18	96
125	Nguyễn Lương Quỳnh Anh	202415480	Tiếng Anh khoa học kỹ thuật 05	69	2.91	85
126	Phạm Gia Kiên	202417243	Công nghệ thông tin Việt - Pháp	69	3.62	87
127	Vũ Như Nguyệt	202414862	CTTT Kỹ thuật Y Sinh 01	69	3.15	92
128	Trần Thị Ngọc Tân	202413431	Quản trị Kinh doanh 01	69	3.68	96
129	Lương Nhật Minh	202418668	Kỹ thuật Cơ điện tử LUH 01	69	2.62	96
130	Dương Quang Minh	202414242	Điện tử 06	69	3.09	93
131	Lê Thị Thuỳ Linh	202410407	Kỹ thuật Thực phẩm 04	69	3.33	86
132	Phạm Chí Thiện	20223453	PTKD-K67 02	67	3.13	94
133	Đặng Quý Phong	20221370	Hoá dầu K67	67	3.66	94
134	Trần Minh Hà	20224309	ET-E16 01 K67	67	3.58	94
135	Đỗ Vân Chi	20221324	BF-E12 01 K67	67	3.42	86
136	Vũ Ngọc Gia Hân	202415555	FL1 - 03 - K69	69	4.00	96
137	Trương Quang Thái	20224139	ET-TN K67	67	3.38	87
138	Nguyễn Ngọc Mai	20223039	QLCN 02-K67	67	3.73	90
139	Lê Trọng Tuấn	202419643	MS2 04-K69	69	3.27	92
140	Trần Thị Mai Trang	202415780	PTKD 01-K69	69	3.56	92

141	Trần Kim Ngân	202415871	IPE 02 - K69	69	3.81	90
142	Nguyễn Minh Anh	20227212	Hệ thống thông tin quản lý 01	67	3.95	89
143	Hoàng Trọng Kiên	202419563	Vi điện tử & Công nghệ nano 04	69	3.73	95
144	Trương Tuấn Minh	20212415	CTTT Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa 01	66	3.96	93
145	Nguyễn Lê Hà Vy	202415820	Tiếng Anh Khoa Học Kỹ Thuật - 04	69	3.77	84
146	Đỗ Gia Ngọc	202417259	Công nghệ thông tin Việt Pháp	69	3.40	91
147	Nguyễn Quang Anh	20227213	Hệ thống thông tin quản lý 02	67	3.93	83
148	Hồ Tuấn Cường	20224223	Kỹ thuật Y sinh 01	67	3.66	100
149	Nguyễn Hải Hà	20224240	Kỹ thuật Y sinh 01	67	3.35	89
150	Nguyễn Thị Huyền Sâm	20234539	Tiếng anh KHKT 03	68	3.19	93
151	Nguyễn Thị Bích Dân	202411569	Hóa học 05	69	3.05	94
152	Lưu Thùy Dương	202416468	Kỹ thuật máy tính 03	69	3.05	93
153	Đàm Xuân Thảo Nguyên	202410731	CTTT KT sinh học 01	69	2.81	87
154	Nguyễn Trọng Quốc	202412744	KT Điều khiển - Tự động hóa 06	69	3.64	92
155	Nguyễn Hồng Vân	202419119	HT thông tin quản lý 02	69	3.64	89
156	Hoàng Thị Minh Anh	20233013	CTTT Phân tích KD 02	68	3.35	92
157	Nguyễn Thúy Quỳnh	20234538	Tiếng anh KHKT 02	68	3.13	98
158	Dương Thị Quý Nga	20218363	Thiết kế Sản phẩm Dệt may – K66	66	3.73	99
159	Hà Việt Nam	20210619	Kỹ thuật Hàng không 01 – K66	66	4.00	97
160	Nguyễn Xuân Hiếu	20223705	CTTN Kỹ thuật Điện tử Viễn thông K67	67	3.54	99
161	Hoàng Tuấn Hùng	20223992	CTTN Kỹ thuật Điện tử Viễn	67	3.19	96

			thông K67			
162	Lê Thị Tố Quyên	20231124	Kỹ thuật hóa học 03 – K68	68	3.16	94
163	Nguyễn Trúc Nhi	20234526	Tiếng Anh KHKT và Công nghệ 02 - K68	68	3.42	98
164	Nguyễn Đào Nam Hải	20235321	Kỹ thuật máy tính 03 – K68	68	3.24	100
165	Mai Hồng Khởi	20233471	Điện tử 08 - K68	68	3.49	98
166	Lê Minh Phúc	20237706	Vật liệu 05 - K68	68	2.75	98
167	Nguyễn Thanh An	20231889	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa 04 - K68	68	3.81	95
168	Nguyễn Lê Minh	202413253	Quản lý công nghiệp 02 – K69	69	3.42	93
169	Thái Minh Sang	202419613	Kĩ thuật Vi điện tử và Công nghệ nano 02 - K69	69	2.61	89
170	Lưu Trung Hiếu	202412522	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa 12 – K69	69	3.86	93
171	Nguyễn Chí Hào	202412504	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa 06 – K69	69	3.49	97

**(Danh sách này gồm có: 171 sinh viên)**

